

## ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2026

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I NĂM 2026			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	<b>TỔNG CHI</b>	<b>175.100</b>	<b>10.030</b>	<b>165.070</b>	<b>35.767</b>		<b>35.767</b>	<b>20,43</b>		<b>21,67</b>
	Trong đó:									
1	Hoạt động quốc phòng	2.010		2.010	50		50	2,49		2,49
2	Hoạt động an ninh trật tự	370		370	80		80			
3	Chi SN giáo dục, đào tạo và dạy nghề	73.704		73.704	13.798		13.798	18,72		18,72
4	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	150		150	0					
5	Chi y tế dân số	3.909		3.909	1.366		1.366			
6	Chi văn hóa, thông tin	200		200	42		42	21,15		21,15
7	Chi phát thanh, truyền thanh	90		90	0					
8	Chi thể dục, thể thao	150		150	0					
9	Chi bảo vệ môi trường	1.000		1.000	0					
10	Chi các hoạt động kinh tế	11.340		11.340	0			0,00		0,00
11	Chi cho công tác xã hội	38.056		38.056	13.430		13.430	35,29		35,29
12	Chi Văn phòng HĐND-UBND, Văn phòng Đảng ủy, MTTQ xã	30.274		30.274	7.000		7.000			
13	Chi khác	888		888						
14	Dự phòng	2.929		2.929						
15	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau									
16	Chi cải cách tiền lương									
17	Chi nộp ngân sách cấp trên									

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ**